

Vài suy nghĩ về vấn đề

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN Ở VIỆT NAM TRONG GẦN 6 THẬP KỶ QUA



Minh Lâu, làng Minh Mạng, Huế - Ảnh: Thanh Hải

Trước hết, có thể khẳng định rằng, các di sản văn hoá (DSVH) của Việt Nam không chỉ là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam mà còn là tài sản văn hoá của nhân loại. Chính vì vậy, việc bảo tồn các di sản quý giá ấy không chỉ nhằm phát huy các giá trị của chúng để phục vụ cho các lợi ích của xã hội cũng như phát huy các truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mà còn góp phần sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới, vừa làm giàu kho tàng DSVH

Việt Nam, vừa đóng góp vào việc mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế. Có lẽ, chính vì ý nghĩa đó mà mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, đã từ lâu, đều coi việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH là một nhiệm vụ trọng tâm.

Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, quốc tế hoá về văn hoá đang dẫn đến nguy cơ huỷ hoại các DSVH trên phạm vi toàn thế giới. Trước tình hình đó, câu hỏi làm thế nào để vừa bảo tồn các di sản nhằm góp phần bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, vừa hội nhập được với thế giới bên ngoài đang được đặt ra cho mọi quốc gia, hay nói

* GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM-
TP HỒ CHÍ MINH

cách khác, vấn đề trên đang là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu.

Ý thức sâu sắc về vấn đề trên cũng như về trách nhiệm của mình, đồng thời xuất phát từ nhận thức mới cho rằng, việc bảo tồn các DSVH không chỉ là trách nhiệm của mỗi quốc gia mà còn là trách nhiệm chung của toàn nhân loại, nên năm 1972, UNESCO đã có "Công ước bảo vệ DSVH và thiên nhiên" mà tính đến năm 1999, trên thế giới đã có 158 nước tham gia. Số lượng lớn các nước thành viên tham gia công ước như trên, với số lượng 630 di sản thế giới (trong đó có 480 DSVH) thuộc 118 quốc gia đã được UNESCO công nhận, đã chứng tỏ sự quan tâm của các quốc gia đối với việc bảo tồn và phát huy di sản thế giới nói chung, DSVH nói riêng. Tiếp sau văn bản mang tính quốc tế về các DSVH vật thể nói trên, để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ các DSVH phi vật thể, vào tháng 11-1989, UNESCO đã ra bản "Khuyến nghị về bảo vệ DSVH truyền thống và dân gian", rồi năm 1993 lại ra "Quyết định thiết lập hệ thống báu vật nhân văn sống" nhằm bảo tồn những kỹ năng, kỹ xảo và các phương pháp kỹ thuật truyền thống trong các hoạt động sáng tạo của nhân loại. Mặt khác, cũng xuất phát từ giá trị của các DSVH phi vật thể đối với đời sống xã hội, đồng thời, để triển khai một cách cụ thể hơn nội dung của những khuyến nghị trên, tháng 11/1997, UNESCO đã thông qua bản "Tuyên bố về các kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại", trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của các tổ chức chính phủ cũng như phi chính phủ cùng các cộng đồng cư dân địa phương trong việc tăng cường bảo vệ và phát huy các DSVH phi vật thể. Ngoài ra, trong nội dung "Chương trình văn hoá của UNESCO" từ năm 2000 - 2002, một vấn đề cốt lõi liên quan đến việc giữ gìn và phát huy các DSVH đã được đề cập, đó là việc "Bảo vệ và làm sống lại các DSVH" trên thế giới. Đặc biệt, năm 2002 đã được Liên hợp quốc chọn là năm DSVH và giao cho UNESCO chịu trách nhiệm chương trình này. Những việc làm trên càng góp phần khẳng định sự quan tâm của UNESCO cũng như các nước trên thế giới đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị DSVH, đồng thời qua đó cho thấy tính cấp bách của vấn đề trên.

Riêng ở Việt Nam, đã từ lâu, việc bảo tồn và

phát huy giá trị DSVH đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Điều đó thể hiện qua việc nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về mặt luật pháp, cơ chế quản lý, kinh phí, đào tạo nhân sự cho các hoạt động nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị DSVH trong các giai đoạn lịch sử. Văn bản pháp lý đầu tiên và vô cùng quan trọng liên quan đến việc bảo vệ và phát huy DSVH ở Việt Nam là Sắc lệnh số 65 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 23-11-1945, tiếp đến là Nghị định số 519-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29-10-1957, rồi "Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh", số 14/LCT/HĐNN, ban hành ngày 4-4-1984 của Hội đồng Nhà nước. Từ khi đất nước thực hiện công cuộc đổi mới cho đến nay, sự quan tâm ấy lại càng rõ nét hơn, mà một trong những bằng chứng quan trọng, là việc Đảng ta đã khẳng định: "Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội". Định hướng đó đã được cụ thể hoá bằng những chủ trương, chính sách trong các nghị quyết, các văn bản pháp lý tiếp theo của Đảng và Nhà nước. Chẳng hạn, Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) chỉ rõ: "...xây dựng Luật Bảo vệ di tích lịch sử văn hoá dân tộc... đầu tư, nâng cấp và chống xuống cấp các bảo tàng, các di tích lịch sử-văn hoá...", hay trong Quyết định số 25/TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 19-01-1993 đã quy định cả mức độ, tỷ lệ và nguồn kinh phí đầu tư cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các DSVH vật thể và phi vật thể ở Việt Nam (1). Đặc biệt, tháng 2-1994, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 62/TTg cho phép Bộ Văn hoá-Thông tin triển khai việc thực hiện 03 chương trình mục tiêu cấp Nhà nước, trong đó có Chương trình chống xuống cấp và tôn tạo di tích lịch sử-văn hoá. Tiếp đó, năm 1997, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và đầu tư kinh phí cho việc thực hiện dự án "Sưu tầm và bảo tồn DSVH phi vật thể tiêu biểu" v.v..

Gần đây, một trong những bằng chứng thể hiện rõ rệt cho sự quan tâm của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị DSVH, đó là "sự ra đời" của Luật DSVH (có hiệu lực từ tháng 1/2002). Trong văn bản pháp luật này, từ những khái niệm, thuật ngữ, từ ngữ, nguyên tắc quản lý, chế độ chính sách, cho

đến việc phân công, phân nhiệm cho các ngành, các cấp về bảo vệ và phát huy giá trị DSVH đều đã được định rõ. Vấn đề bảo vệ và phát huy DSVH phi vật thể đã được dành riêng 1 chương (chương III) với 11 điều. Ngay sau đó, để Luật DSVH sớm được đưa vào cuộc sống, ngày 11-11-2002, Chính phủ đã ban hành Nghị định 92/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật DSVH... Có thể nói, hiện nay, Luật DSVH là văn bản pháp lý cao nhất và cũng là "cẩm nang" cho các ngành có chức năng bảo vệ và phát huy các DSVH ở Việt Nam, bao gồm cả DSVH vật thể và phi vật thể. Tiếp theo, trong các năm 2002-2004, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Văn hoá-Thông tin nghiên cứu, soạn thảo một số văn bản quy phạm pháp luật khác, như: Nghị định về việc quản lý và bảo vệ DSVH dưới nước, Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia v.v...

Cùng với việc ban hành những văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc bảo vệ và phát huy giá trị DSVH, Nhà nước đã rất quan tâm đầu tư kinh phí cho lĩnh vực công tác này, cụ thể là, "từ năm 1994 đến năm 2003, thông qua chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích, Nhà nước đã đầu tư số kinh phí hàng năm nhiều hơn nhằm hỗ trợ chống xuống cấp và tôn tạo di tích, thắng cảnh trên cả nước với số kinh phí 318.850 tỷ cho 1.575 di tích (1:151). Và, "Theo con số thống kê chưa đầy đủ của Chuyên viên Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Văn hoá-Thông tin qua các báo cáo do các địa phương gửi đến, năm 1994 đến năm 2001, ngân sách trung ương đầu tư cho việc chống xuống cấp và tôn tạo di tích thông qua chương trình là 226.718 tỷ đồng Việt Nam; ngân sách địa phương: 360,170 tỷ đồng Việt Nam (1:157). Ngoài việc đầu tư kinh phí cho việc bảo vệ các DSVH vật thể, Nhà nước còn chú trọng đầu tư cho việc bảo vệ và phát huy DSVH phi vật thể. Chỉ tính từ năm 1997 đến năm 2002 đã có 18,150 tỷ đồng đầu tư cho 364 dự án sưu tầm, bảo tồn DSVH phi vật thể trong cả nước (1:154 - 155).

Tựu trung lại, có thể nói, ở Việt Nam trong gần 6 thập kỷ qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 65, công tác bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH đã đạt được nhiều thành quả đáng kể, mà theo chúng tôi, có một

số thành quả nổi bật sau đây:

1- Tiến hành nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn được trên 2 triệu đơn vị hiện vật(2), với 922 bộ sưu tập, trong số đó, giá trị nhất là sưu tập trống đồng (849 chiếc). Đó chính là các DSVH dưới dạng động sản hiện đang lưu giữ tại các kho cơ sở của các bảo tàng ở Việt Nam. Khối lượng DSVH nói trên thuộc các thời kỳ lịch sử khác nhau, rất đa dạng về loại hình và rất phong phú về chất liệu (chưa kể số hiện vật được lưu giữ tại các nhà truyền thống và các di tích như: Đình, chùa, đền, tháp...).

Cùng với việc nghiên cứu, sưu tầm, phát huy giá trị các DSVH dưới dạng động sản, trên 40.000 di tích dưới dạng bất động sản cũng đã được phát hiện và kiểm kê. Trên cơ sở đó, đã có gần 3.000 di tích đã được Nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia. Đặc biệt, có 5 di tích lịch sử-văn hoá và danh lam thắng cảnh của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới, bao gồm: 3 di sản văn hoá (Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Khu tháp Mỹ Sơn) và 02 di sản thiên nhiên (Vịnh Hạ Long, Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha-Kẻ Bàng)(3). Gần đây (tháng 11/2003), UNESCO cũng đã công nhận Âm nhạc cung đình Việt Nam-Nhã nhạc (triều Nguyễn) là Kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Như vậy, tính đến nay, Việt Nam đã có 06 di sản thế giới - đó là những di sản có giá trị duy nhất toàn cầu về mặt lịch sử, văn hoá, thẩm mỹ hay khoa học.

2- Thiết lập được một hệ thống với 117 bảo tàng (chưa kể mạng lưới các nhà truyền thống, phòng truyền thống). Đó chính là những thiết chế văn hoá chuyên nghiên cứu, sưu tầm và lưu giữ chu đáo vốn DSVH quý báu đã có, đồng thời, đang tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm và lưu giữ những DSVH sẽ được phát hiện từ nhiều nguồn khác nhau: Dưới lòng đất, trên mặt đất, dưới nước, trong hang động... thuộc lãnh thổ của nước CHXHCN Việt Nam. Ngoài giá trị vật thể của các DSVH được lưu giữ, các bảo tàng ở Việt Nam còn tiến hành nghiên cứu các giá trị phi vật thể của các DSVH đó thông qua việc "tư liệu hoá" các kết quả nghiên cứu về các bí quyết, kỹ thuật chế tác, hoa văn trang trí... trên các DSVH vật thể để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn của bảo tàng nói riêng, cộng tác nghiên cứu khoa học nói chung. Chính là khối lượng DSVH vật thể cũng như phi vật thể

đang được Việt Nam bảo tồn, gìn giữ đó, cùng với những kết quả nghiên cứu về chúng, đã và đang là nguồn tư liệu đáng tin cậy đối với việc nghiên cứu liên ngành-một trong những xu hướng phổ biến và có hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học hiện đại.

Bên cạnh hệ thống bảo tàng như đã trình bày, tại các địa phương (các tỉnh, thành phố), một hệ thống các ban quản lý di tích cũng đã được hình thành với nhiệm vụ quản lý tốt các DSVH vật thể (chủ yếu dưới dạng bất động sản) và các DSVH phi vật thể ở các địa phương. Không chỉ làm nhiệm vụ nghiên cứu, phát hiện, sưu tầm, lưu giữ và quản lý các DSVH, các bảo tàng và các ban quản lý di tích còn có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện các biện pháp bảo quản cần thiết và thích hợp để tăng "tuổi thọ" cho các DSVH, đồng thời, tiến hành nhiều cách thức khác nhau để phục vụ công chúng ngày càng có hiệu quả hơn. Như vậy, thêm một bằng chứng nữa để khẳng định rằng, nhờ có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, ở Việt Nam đã hình thành được một hệ thống các cơ quan, các thiết chế chuyên trách về công tác bảo tồn và phát huy các DSVH.

3- Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH cũng đã có những đóng góp đáng kể trong công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến tri thức khoa học cho quảng đại công chúng ở trong và ngoài nước. Chính các DSVH - những vật chứng, những chứng tích còn lưu lại và đang được trân trọng gìn giữ, là cơ sở để mọi người hiểu sâu sắc hơn về tổ tiên, về cội nguồn, qua đó giúp họ có ý thức coi trọng những giá trị truyền thống cũng như bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời, ý thức được trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước. Đối với khách tham quan nước ngoài thì các DSVH là những bằng chứng đáng tin cậy để họ hiểu về đất nước và con người Việt Nam trong quá khứ và hiện tại, từ đó tin tưởng vào tương lai của Việt Nam và tích cực ủng hộ Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước. Hiểu theo cách khác, các DSVH ở Việt Nam là cơ sở khoa học và là những chứng tích có tính thuyết phục cao, góp phần vào việc giao lưu văn hoá giữa Việt Nam với các nước. Để thực hiện có hiệu quả công việc quan trọng trên, các bảo tàng cũng như các ban quản lý di tích của Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như:

Tổ chức trưng bày các DSVH (kể cả việc trưng bày lưu động ở trong và ngoài nước), tổ chức hướng dẫn tham quan (mỗi năm phục vụ hàng chục triệu lượt người), nghiên cứu và xuất bản hàng trăm các công trình khoa học, xây dựng các trang web, xây dựng các bộ phim, đĩa CD-ROM v.v... Đặc biệt, cách đây gần 2 năm (2002), Nhà nước Việt Nam đã cho phép 13 bảo tàng của Việt Nam đưa các DSVH đi trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Nghệ thuật Hoàng gia Bỉ và Bảo tàng Dân tộc học Áo hoặc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đưa các DSVH đi trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ (ở NewYork) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài tiếp cận với các DSVH Việt Nam, góp phần đẩy mạnh giao lưu văn hoá giữa Việt Nam với các nước trên thế giới.

4- Lĩnh vực đào tạo nhân sự làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH ở Việt Nam cũng đạt những thành tựu đáng kể. Theo số liệu thống kê của Cục DSVH, tính đến tháng 10 năm 2003, ở Việt Nam có 1779 người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH, trong đó có 1398 người có trình độ đại học và trên đại học. Số nhân sự trên đã và đang có những đóng góp thiết thực cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH ở Việt Nam.

5- Những thành quả do hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH ở Việt Nam đạt được đã đóng góp một phần vào thành quả chung của hoạt động bảo vệ và phát huy DSVH của thế giới, bởi các DSVH tuy đại diện cho các nền văn hoá khác nhau nhưng đều là một bộ phận DSVH của nhân loại. Nói cách khác, việc bảo vệ và phát huy tốt giá trị các DSVH Việt Nam cũng chính là những đóng góp thiết thực của Việt Nam vào kho tàng DSVH thế giới.

Trên đây là một số thành quả của Việt Nam trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH trong gần 6 thập kỷ qua. Bên cạnh những thành quả đáng kể đó, theo tôi, công việc này cũng còn có một số hạn chế sau đây:

- Việc nghiên cứu, sưu tầm các DSVH vật thể cũng như phi vật thể có lúc, có nơi chưa thật sự được quan tâm. Chính vì vậy, việc đầu tư kinh phí cho hoạt động này chưa thoả đáng, làm ảnh hưởng đến kết quả của việc sưu tầm, gìn giữ các DSVH;

- Tình trạng các DSVH dưới dạng bất động sản bị xuống cấp vẫn còn tồn tại, thậm chí

nhiều nơi trầm trọng. Điều đó đồng nghĩa với việc làm huỷ hoại các DSVH dưới dạng bất động sản;

- Tại nhiều bảo tàng, tính đặc trưng (có ý nghĩa làm nên cái riêng) trong nội dung trưng bày, giới thiệu các DSVH chưa rõ nét, giải pháp kỹ thuật thể hiện chưa đa dạng, phương tiện kỹ thuật còn nghèo nàn..., từ đó dẫn đến sự "trùng lặp" giữa các bảo tàng về nội dung và sự đơn điệu trong thủ pháp trưng bày v.v..

Để sớm khắc phục những hạn chế trên, trong thời gian tới, ngoài việc tăng cường đầu tư nhân lực, trí lực, tài lực cho hoạt động này, theo chúng tôi, các cơ quan chức năng về bảo vệ và phát huy giá trị DSVH cần tiến hành tuyên truyền sâu rộng hơn nữa để các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân thấy rõ việc gìn giữ, kế thừa và phát huy các DSVH là việc làm vô cùng cấp bách. Và, quan trọng hơn, là làm thế nào để mọi người dân đều hiểu rằng, họ chính là chủ nhân của những DSVH của dân tộc. Từ đó, họ sẽ có ý thức trách nhiệm mà chủ động và tích cực tham gia đóng góp cho sự nghiệp cao cả này. Ngoài việc huy động nội lực, chúng ta cũng rất cần mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu với các nước trên thế giới, nhất là với các nước trong khu vực để có thể tiếp thu được những kinh nghiệm bổ ích và tiếp nhận sự chuyển giao công nghệ trong hoạt động nói trên.

Hy vọng rằng, trong tương lai gần nhất, Việt Nam sẽ đạt được những thành quả đáng kể hơn nữa trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH dân tộc.

T.T.H

Chú thích:

1) "Đầu tư 100% kinh phí cho việc tu bổ, tôn tạo các di tích cách mạng, những di tích gắn liền với quá trình hoạt động của Đảng và cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; hỗ trợ một phần kinh phí và vốn đầu tư của nước ngoài để giữ gìn tôn tạo các di tích lịch sử-văn hoá khác. Đầu tư 100% cho công việc sưu tầm, chỉnh lý, biên soạn, bảo quản lâu dài, phổ biến các sản phẩm văn hoá tinh thần như: Văn học dân gian, các điệu múa, các làn điệu âm nhạc của các dân tộc, giữ gìn các nghề thủ công truyền thống, các loại nhạc cụ dân tộc. Đầu tư 100% kinh phí cho việc xây dựng tiết mục, luyện tập thường xuyên và trang bị của các đơn vị nghệ thuật dân tộc, tuồng, chèo, dân ca, cải lương, múa rối..."

2) Một đơn vị hiện vật gồm nhiều hiện vật (theo nguyên tắc kiểm kê của bảo tàng).

3) Di sản văn hoá Cố đô Huế - được UNESCO công nhận là DSVH thế giới năm 1993.

- Di sản văn hoá Phố cổ Hội An - được UNESCO công nhận là DSVH thế giới năm 1999.

- Di sản văn hoá Khu tháp Mỹ Sơn - được UNESCO công nhận là DSVH thế giới năm 1999.

- Di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long- được UNESCO công nhận lần 1 năm 1994 và công nhận lần 2 năm 2000.

- Di sản thiên nhiên Phong Nha-Kẻ Bàng- được UNESCO công nhận là DSVH thế giới năm 2003.

Tài liệu dẫn:

1- Nguyễn Quốc Hùng, "*Hiệu quả của của việc thực hiện mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích (từ năm 1997 đến nay)*" - trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Vấn đề bảo tồn và phát huy DSVH với sự nghiệp đổi mới đất nước" do Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên-Thiếu niên và Nhi đồng tổ chức, Hà Nội-2003.

2- *Luật DSVH*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002.

SUMMARY: SOME THOUGHTS ABOUT THE PRESERVATION AND PROMOTION OF CULTURAL HERITAGE VALUES IN VIETNAM DURING THE PAST 6 DECADES.

The article provided an overview on fundamental achievements in the cause of preservation and promotion of cultural heritages in Vietnam during the past nearly 6 decades since President Ho Chi Minh signed Decree no 65/SL-Ct dated November 23rd, 1945 on the preservation of relics in the whole country of Vietnam. Those achievements are shown in different aspects such as legal building, establishment of museum system, preservation and promotion of cultural and historic relics, staff training and building, publicity, education and dissemination of scientific knowledge on the preservation and promotion of cultural heritage values to the public, international cooperation...